

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HS-ST.

Ngày: 08/11/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Y Blur.

Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo: A G (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27 tháng 10 năm 2000 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn K, phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P và bà Y B; tiền án: 0, tiền sự: 0.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HS-ST ngày 08/5/2017 của TAND thành phố Kon Tum, bị cáo bị xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 20/3/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt. (Không có án tích do thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 02 tháng và phạm tội ít nghiêm trọng).

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum từ ngày 11/6/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Văn Cẩm T, sinh năm 1982. (Vắng mặt; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh A Q, sinh ngày 10/9/2005. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của A Q: Bà Y W, sinh năm 1968. (Mẹ của A Q; Có mặt).

2/ Bà Y P, sinh năm 1948. (Có mặt).

3/ Chị Y B, sinh năm 1970. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

4/ Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1976. (Vắng mặt; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 128 Trần Văn H, phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số 68/CT-VKSTPKT ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện:

Khoảng 0 giờ 10 phút, ngày 10/6/2018, bị cáo A G cầm 01 chiếc đèn pin màu vàng đi soi nhái. Về tới sân bóng trong thôn K, phường Thống N, thành phố Kon T thì bị cáo gặp A Q. Thấy bị cáo, A Q liền lại nói cho bị cáo biết có 01 căn nhà nhiều tài sản gần nhà bị cáo và rủ bị cáo đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài. Bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo và A Q đi đến căn nhà hoang gần sân bóng lấy 01 lưới kéo, dài 27,5cm rồi đi đến nhà chị Lê Văn Cẩm T tại thôn K, phường Thống N, thành phố Kon T. Thấy cửa cổng khóa, bị cáo dùng kéo cạy khóa rồi lấy ổ khóa bỏ vào túi quần. Sau đó, bị cáo và A Q đi vào trong. A Q đứng đợi ngoài sân còn bị cáo dùng kéo cạy chốt cửa sổ, đột nhập vào trong nhà, dùng đèn pin soi sáng và lấy 01 máy tính xách tay, hiệu Sony Vaio, màu nâu trên ghế gần cửa sổ; 01 ấm đun nước siêu tốc, hiệu Sun Han, màu đen bạc trên bàn; 01 túi xách, hiệu Chanel, màu đen (bên trong có 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 82B1-019.89, 02 Giấy phép lái xe hạng A1, B2; 01 thẻ Đảng viên; 03 thẻ ATM, tất cả đều mang tên Lê Văn Cẩm T) treo trên tường đưa ra ngoài cho A Q giữ. Sau đó, bị cáo tiếp tục lục lọi lấy 01 điện

thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen trên giường; 01 hộp thiếc màu tím (bên trong có 02 dây chuyền, 02 nhẫn đeo tay, 01 lắc đeo tay, 01 lắc đeo chân, 02 bông hoa tai) trên bàn trang điểm. Lúc này, chị T thức dậy, phát hiện và truy hô nên bị cáo và A Q mang theo toàn bộ tài sản lấy được, bỏ chạy về căn nhà hoang gần sân bóng trong thôn K, phường Thống N, thành phố Kon T. Trong quá trình bỏ chạy, A Q đã làm rơi túi xách trên đường. Khi đến căn nhà hoang, bị cáo đã cất giấu 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 trên cây gỗ dưới mái tôn, giấu 01 ổ khóa số màu vàng bên trong ống thoát nước trước cửa nhà hoang. Đồng thời, bị cáo vớt lại lưới kéo ở mép tường phía bên hông nhà hoang. Sau đó, bị cáo và A Q đi về nhà bà Y P (bà nội bị cáo) ở cùng thôn, giấu 01 máy tính xách tay, 01 đèn pin trong túi xách của bà Y P và bỏ túi xuống dưới gầm giường.

Sau đó, bị cáo và A Q tiếp tục đi về nhà bị cáo. Trên đường về, bị cáo cầm 01 ấm đun nước siêu tốc vớt ở bãi rác gần nhà bà Y P; sau đó, lấy hết trang sức ra và vớt hộp thiếc màu tím đi. Khi về nhà, bị cáo giấu toàn bộ trang sức trong 01 túi xách treo trên tường. Sau đó, bị cáo A G đi ngủ, A Q đi về nhà. Đến ngày 11/6/2018 thì bị cơ quan Công an phát hiện.

Tại Kết luận định giá số 23/ĐG-TS ngày 15/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện: 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 7, màu đen; 01 máy tính xách tay, hiệu Sony Vaio, màu nâu; 01 túi xách hiệu Chanel, màu đen; 01 bình nấu nước siêu tốc, hiệu Sun Han, màu đen bạc; 01 ổ khóa số có giá trị tổng cộng là **17.609.000 đồng**.

Tại Kết luận giám định số 537/C54C(Đ4) ngày 08/8/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thể hiện:

+ 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dạng hạt hình tròn kết nối với nhau, có chiều dài 44cm và 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng hình chữ nhật, xung quanh có gắn đá không màu, đựng trong phong bì ký hiệu số 1 gửi giám định đều là hợp kim của vàng, đồng và kẽm; tổng khối lượng 4,28gam (tính cả mặt dây chuyền và đá); hàm lượng vàng trung bình là 58,4%; hàm lượng đồng trung bình là 31,02%; hàm lượng kẽm trung bình là 10,58%.

+ 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc, dạng hạt hình tròn và hình bầu dục kết nối với nhau, có chiều dài 47cm (tính cả mặt dây chuyền) và 01 mặt dây chuyền kim loại màu trắng bạc, hình tròn, ở giữa có hình mặt người đựng trong phong bì ký hiệu số 2 gửi giám định đều là hợp kim của vàng, đồng, kẽm và niken; tổng khối lượng 14,22gam (tính cả mặt dây chuyền); hàm lượng vàng trung bình là 71,51%; hàm lượng đồng trung bình là 17,41%; hàm lượng kẽm trung bình là 6,94%; hàm

lượng niken trung bình là 4,14%.

+ 01 lắc đeo tay kim loại màu trắng bạc, dạng các hạt hình tròn và hình bầu dục kết nối với nhau, có chiều dài 16,5cm đựng trong phong bì ký hiệu số 3 gửi giám định đều là hợp kim của vàng, đồng, kẽm và niken; tổng khối lượng 5,44gam; hàm lượng vàng trung bình là 74,85%; hàm lượng đồng trung bình là 15%; hàm lượng kẽm trung bình là 5,42%; hàm lượng niken trung bình là 4,73%.

+ 01 lắc đeo chân kim loại màu trắng bạc, dạng hình móc xích kết nối với nhau, có chiều dài 25cm đựng trong phong bì ký hiệu số 4 gửi giám định là hợp kim của vàng, đồng, kẽm và niken; tổng khối lượng 3,44gam; hàm lượng vàng trung bình là 74,99%; hàm lượng đồng trung bình là 18,36%; hàm lượng kẽm trung bình là 4,06%; hàm lượng niken trung bình là 2,59%.

+ 01 nhẫn kim loại màu trắng bạc, trên có gắn đá không màu đựng trong phong bì ký hiệu số 5 gửi giám định là hợp kim của vàng, đồng, kẽm và niken; tổng khối lượng 3,09gam (tính cả đá); hàm lượng vàng trung bình là 74,95%; hàm lượng đồng trung bình là 13,44%; hàm lượng kẽm trung bình là 4,23%; hàm lượng niken trung bình là 7,38%.

+ 01 nhẫn kim loại màu trắng bạc, trên có gắn đá không màu đựng trong phong bì ký hiệu số 6 gửi giám định là hợp kim của bạc, vàng, đồng, kẽm và niken; tổng khối lượng 2,92gam (tính cả đá); hàm lượng bạc trung bình là 63,25%, hàm lượng vàng trung bình là 31,05%; hàm lượng đồng trung bình là 4,46%; hàm lượng kẽm trung bình là 0,79%; hàm lượng niken trung bình là 0,44%.

+ 01 đôi bông tai kim loại màu trắng bạc, trên có gắn đá không màu đựng trong phong bì ký hiệu số 7 gửi giám định là hợp kim của vàng, đồng, kẽm và niken; tổng khối lượng 1,04gam (tính cả đá); hàm lượng vàng trung bình là 74,90%; hàm lượng đồng trung bình là 14,86%; hàm lượng kẽm trung bình là 3,09%; hàm lượng niken trung bình là 7,15%.

Tại Kết luận định giá số 40/ĐG-TS ngày 09/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện: 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 lắc đeo tay kim loại màu trắng bạc; 01 lắc đeo chân kim loại màu trắng bạc; 02 nhẫn kim loại màu trắng bạc; 01 đôi bông tai kim loại màu trắng bạc có giá trị tổng cộng là **23.874.000 đồng**.

Cáo trạng số 68/CT-VKSTPKT ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo A G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều

173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo A G như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 90 và 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo A G từ 06 đến 09 tháng tù. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 0 giờ 10 phút, ngày 10/6/2018, bị cáo A G cùng với A Q đã lợi dụng sơ hở của người bị hại chị Lê Văn Cẩm T trong việc quản lý tài sản nên đã sử dụng kéo để cạy khóa, chọt cửa vào nhà và trộm cắp tài sản. Bị cáo A G và A Q đã trộm cắp các tài sản, gồm có: 01 máy tính xách tay; 01 bình nấu nước siêu tốc; 01 túi xách (bên trong có 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 82B1-019.89, 02 Giấy phép lái xe hạng A1, B2; 01 thẻ Đảng viên; 03 thẻ ATM, tất cả đều mang tên Lê Văn Cẩm T); 01 điện thoại di động; 01 hộp thiếc (bên trong có 02 dây chuyền, 02 nhẫn đeo tay, 01 lắc đeo tay, 01 lắc đeo chân, 02 bông hoa tai). Giá trị tổng cộng của các tài sản mà bị cáo A G và A Q đã trộm cắp là **41.483.000 đồng**.

[2] Như vậy, hành vi của bị cáo A G đã phạm vào tội “trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp “trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng số 68/CT-VKSTPKT ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo A G là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử nhằm tuyên truyền pháp luật và răn đe, phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm hiện nay là cần thiết.

[4] Xét thấy, trước khi phạm tội, vào năm 2017, bị cáo A G đã từng bị kết án và xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp

hành xong hình phạt. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 02 tháng và phạm tội ít nghiêm trọng. Do đó, theo khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo được coi là không có án tích.

[5] Thấy rằng, sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên (17 tuổi 7 tháng 13 ngày). Do đó, cần áp dụng các Điều 91 và 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo A G khi lượng hình.

[6] Từ những phân tích trên, thấy rằng, bị cáo A G đã từng bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt, chỉ trong một thời gian ngắn, bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Điều đó cho thấy bị cáo lười lao động, thích hưởng thụ, trộm cắp tài sản để có tiền chơi điện tử. Bị cáo không nhận thức được lỗi lầm của bản thân để phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, trở thành người có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần thiết phải cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm của bản thân; để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, áp dụng quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi lượng hình.

[7] Đối với A Q là người cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo A G. Tuy nhiên, xét thấy, tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, A Q là người chưa thành niên (12 tuổi 9 tháng), chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum không đưa ra hình thức xử lý với A Q là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Đối với bà Y P và chị Y B hoàn toàn không biết việc bị cáo A G cất giấu tài sản trộm cắp trong túi xách nên cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum không đưa ra hình thức xử lý là có cơ sở. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, chị T còn trình báo mất số tiền 3.000.000 đồng để trong túi xách. Tuy nhiên, sau khi lấy được túi xách, bị cáo A G và A Q chưa kiểm tra túi và đã làm rơi trên đường bỏ chạy. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xác định với số tiền trên.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Văn Cẩm T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ được toàn bộ số tài sản bị trộm cắp và trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Văn Cẩm T. Ngoài ra, còn có các vật chứng sau:

+ Đối với 01 đèn pin, màu vàng và 01 lưới kéo bằng kim loại dài 27,5cm là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu và tiêu hủy.

+ Đối với 01 hộp thiếc đựng trang sức, màu tím, bị cáo A G đã vứt đi. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo A G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 91 và 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **A G** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo A G **09 (Chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 11/6/2018.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 đèn pin, màu vàng và 01 lưới kéo bằng kim loại dài 27,5cm (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/10/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum).

Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 6, 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A G phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/11/2018), bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Cơ quan CSĐT CA TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Văn Toàn